

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01- 7 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn; chia tài sản
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc
2. Bà Nguyễn Thị Tua.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn – Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2022/TLST-HN&GD ngày 14/02/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim H - sinh năm 1992; địa chỉ: ấp 8, xã VTh, huyện VT, tỉnh H (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Thanh H1 - sinh năm 1990; địa chỉ: ấp 10, xã VTh, huyện VT, tỉnh H (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:* Nguyễn Thị S – sinh năm 1964; địa chỉ: ấp 10, xã VTh, huyện VT, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim H trình bày:

Tôi và chồng tôi ông Hồ Thanh H1 tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2019, tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trung, huyện Vĩnh Thủy, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H1. Về con chung, nợ chung: không có.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà tiền chế có giá trị 40.000.000đồng; chiếc xuồng và máy xăng có giá trị 9.000.000đồng. Bà H yêu cầu được chia tôi số tài sản trên, yêu cầu giao cho ông H1 quản lý sử dụng tài sản, ông H1 có nghĩa vụ trả giá trị với số tiền 24.500.000đồng. Quá trình tố tụng, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện. Tại biên bản hòa giải ngày 03 tháng 6 năm 2022 bà H xác định chỉ yêu cầu chia đôi số vàng cưới được cho chung của vợ chồng là 06 chỉ, mà yêu cầu được nhận giá trị 03 chỉ vàng 24K loại 9999, tại thời điểm giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung.

Bị đơn ông Hồ Văn H1 trình bày ý kiến: Tôi thống nhất với phần trình bày của bà Trần Thị Kim H về phần hôn nhân, con chung và nợ chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tôi còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Về yêu cầu chia tài sản chung: Tôi không nhớ số vàng cưới mà mẹ tôi cho vợ chồng tôi là bao nhiêu, tôi không đồng ý chia tài sản chung vì thực tế số vàng cưới này không còn. Và việc bán vàng không có góp vô để cất nhà như lời trình bày của nguyên đơn. Số vàng cưới này đem đi cầm năm 2020 (không nhớ ngày) để lo trị bệnh cho em vợ (em út), sau đó đem bán do không có tiền chuộc lại, việc bán vàng cũng nhằm mục đích đi tái khám cho em vợ. Căn nhà cất ngày nào tôi không nhớ, tôi thống nhất theo lời trình bày của vợ tôi là ngày 16/02/2020. Thời điểm bán vàng sau khi cất nhà, khoảng tháng 5-6 năm 2020, bán ở chợ Mười Bốn tiệm vàng Nghĩa. Mỗi lần bán vài chỉ, không nhớ thời gian bán chỉ nhớ bán hết và không cung cấp được giấy tờ về số vàng cưới đã bán. Nên tôi không đồng ý chia số vàng này. Vợ chồng tôi cũng không có ảnh cưới.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S trình bày: Tôi là mẹ của Hồ Văn H1, tôi xác định có cho số vàng cưới là 05 chỉ vàng 24k nhưng không nhớ là vàng gì, tôi thống nhất lấy loại 9999 làm căn cứ giải quyết vụ án như lời trình bày của nguyên đơn, việc con dâu và con trai có bán để xây dựng nhà hay không thì tôi không biết, do tôi đi làm ở Bình Dương nên không rõ, tôi có gửi tiền

về để cất nhà và mua sắm các vật dụng trong nhà, gửi nhiều lần tổng cộng số tiền 75.000.000đồng. Việc H yêu cầu chia tài sản chung thì tôi không đồng ý. Vì H không có đóng góp trong khối tài sản chung của gia đình. Tôi cũng không cung cấp được hóa đơn chứng từ mua vàng cưới cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H được ly hôn với ông Hồ Văn H1. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung. Về con chung; về nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Kim H khởi kiện ông Hồ Thanh H1 yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn, nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H và ông Hồ Thanh H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2019, tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống giữa bà H và ông H1 phát sinh mâu thuẫn, bà H xác định nguyên nhân là do ông H1 không chăm lo cho vợ con và kinh tế gia đình. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà H cương quyết ly hôn, ông H1 muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng cũng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà H không đồng ý đoàn tụ. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 là trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, hôn nhân không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3] Về con chung, nợ chung: Không có; về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện

ban đầu bà Trần Thị Kim H có yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà tiền chế có giá trị 40.000.000đồng; chiếc xuống và máy xăng có giá trị 9.000.000đồng. Bà H yêu cầu được chia đôi số tài sản trên, yêu cầu giao cho ông H1 quản lý sử dụng tài sản, ông H1 có nghĩa vụ trả giá trị với số tiền 24.500.000đồng. Quá trình tố tụng, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện. Tại biên bản hòa giải ngày 03 tháng 6 năm 2022 bà H xác định chỉ yêu cầu chia đôi số vàng cưới được cho chung của vợ chồng là 06 chỉ, mà yêu cầu được nhận giá trị 03 chỉ vàng 24K loại 9999, tại thời điểm giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nguyên đơn, bị đơn có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim H phải chịu án phí theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phân hôn nhân.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H được ly hôn với ông Hồ Thanh H1.

Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung. Trong trường hợp các đương có phát sinh tranh chấp về phần tài sản chung, đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

Về án phí: Bà Trần Thị Kim H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Kim H đã nộp theo biên lai số 0002773 ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành tiền án phí (bà H đã nộp xong).

Bà Trần Thị Kim H được nhận lại số tiền 612.000đồng (sáu trăm mười hai nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002774 ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy (nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã Vĩnh Trung;
- Công TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Diệu

